TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG LÁT** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 19/2024/HS-ST Ngày 24 và 25-4-2024.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vi Văn Thuấn và bà Phan Thị Mấy

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Viết Mạnh - Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 24 và 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2024/TLST-HS ngày 13/3/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXXST-HS ngày 11/4/2024, đối với các bị cáo:

1. Trịnh Duy M, sinh năm 1980. Nơi sinh: Xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Bản Táo, xã T, huyện M, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Số CCCD: 038080002312; Con ông: Trịnh Duy V (đã chết), con bà: Lê Thị C (đã chết); Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1983, bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2021

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" tại Bản T, xã T, huyện M, tỉnh Thanh Hóa đến nay. Có mặt.

2. Nguyễn Trung T1; Sinh năm 1986. Nơi sinh và Nơi ĐKHKTT hiên nay: Xóm T, xã V, huyện M, tỉnh Hòa Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học

vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Số CCCD: 017086006724; Con ông: Nguyễn Trung T2 (đã chết), con bà: Đào Thị T3, sinh năm 1963; Vợ: Phạm Thị M1, sinh năm 1995 (đã ly hôn), bị cáo có 01 con sinh năm 2016.

Tiền sự: Không.

Tiền án: 01, ngày 27/10/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 13 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 26 tháng và phạt bổ sung số tiền 10.000.000đ về tội "Đánh bạc". Đến ngày 06/12/2023 Nguyễn Trung T1 mới chấp hành xong hình phạt bổ sung là số tiền 8.000.000đ, nên chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" tại xóm T, xã V, huyện M, tỉnh Hòa Bình đến nay. Có mặt.

3. **Bùi Văn G**; Sinh năm 1988. Nơi sinh: Xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ĐKHKTT: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Bản C, xã M, huyện M, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Số CCCD: 038088014137; Con ông: Bùi Văn H (đã chết), con bà: Bùi Thị T4, sinh năm 1958; Vợ: Hà Thị N, sinh năm 1988, bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2012 con nhỏ nhất sinh năm 2021.

Tiền án: Không.

Tiền sự: 01, ngày 17/3/2021, Bùi Văn G bị Cơ quan CSĐT Công an huyện M, tỉnh Thanh Hóa ra Quyết định xử phạt hành chính số: 01/XPHC với số tiền 3.200.000đ (Ba triệu hai trăm nghìn đồng) về hành vi "Có lời nói thô bạo xúc phạm danh dự của người khác và sử dụng trái phép súng săn". Hiện tại bị cáo chưa nộp phạt theo quy định.

Nhân thân: Ngày 28/11/2008 bị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 23 tháng về tội Trộm cắp tài sản. (Đã được xóa án tích).

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Tuy nhiên, trong quá trình tại ngoại bị cáo đã vi phạm nghĩa vụ cam đoan, nên ngày 17/11/2024 bị tạm giữ, bị khởi tố bị can và chuyển tạm giam ngày 26/11/2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện M, tỉnh Thanh Hóa đến nay về hành vi "Đánh bạc". Có mặt.

4. Cao Văn K; Sinh năm 1992. Nơi sinh: Xa Lũng N1, huyện B, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Bản X, xã M, huyện M, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Số CCCD: 038092046044; Con ông: Cao Văn X, sinh năm 1965, con bà: Đinh Thị P, sinh năm 1964; Vợ: Hà Thị C1, sinh năm 1990, bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2013 con nhỏ nhất sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" tại Bản X, xã M, huyện M, tỉnh Thanh Hóa đến nay. Có mặt.

5. Trịnh Đình L; Sinh năm 1989. Nơi sinh và nơi ở hiện tại: Thôn M, xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Số CCCD: 038089030697; Con ông: Trịnh Đình S, sinh năm 1944, con bà: Phạm Thị D (đã chết); Vợ: Bùi Thị D1, sinh năm 1990, bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2009 con nhỏ nhất sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" tại Thôn M, xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa đến nay. Có mặt.

6. Nguyễn Văn C2; Sinh năm 1984. Nơi sinh: Huyện P, tỉnh Bình Dương; Nơi cư trú: Thôn G, xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Số CCCD: 038084047490; Con ông: Nguyễn Văn N2 (đã chết), con bà: Trịnh Thị T5 (đã chết); Vợ: Nguyễn Thị Y, sinh năm1984, bị cáo có 02 con lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2006.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 07/10/2009 bị Công an huyện N, tỉnh Thanh Hóa xử phạt hành chính số tiền 500.000 đồng về hành vi "Đánh bạc" (Đã xóa tiền sự).

Bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" tại Thôn G, xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa đến nay. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Cao Văn K*: Ông Hà Văn K1 – Trợ giúp viên pháp lý, Chi nhánh số 1, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ, ngày 09/4/2023, Trịnh Đình L và Nguyễn Văn C2 trú cùng xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa trên đường đi đào cột điện thuê từ bản S, xã M về nhà trọ (là nhà ở của ông Bùi Văn V1, sinh năm 1972, trú tại bản T, xã M, huyện M) thì nhìn thấy một cá thể rắn nằm chắn ngang đường, nên L và C2 dừng lại đứng nhìn. Lúc này, có hai người đàn ông và một người phụ nữ dân tộc M2 (L và C2 không quen biết) điều khiển xe mô tô đi đến hỏi L và C2 "có chuyện gì?" thì L trả lời "Có con rắn to không dám đi". Sau đó, hai người đàn ông dân tộc M2 dùng gậy ở bên đường bắt và đập chết cá thể rắn, còn người phụ nữ cho cá thể rắn vào bao tải rồi để trên mặt đường. Sau đó, một trong hai người đàn ông dân tộc M2 nói với L và C2 là "Ai thấy trước (cá thể rắn) là của người đấy" rồi bỏ đi luôn. Lúc này, L nói với C2 là mang cá thể rắn về nhà trọ ai làm thịt thì làm, C2 đồng ý rồi ngồi sau xe cầm bao tải chứa cá thể rắn còn L điều khiển xe mô tô đi về nhà trọ. Về đến nhà trọ, Chơi bỏ cá thể rắn ra chậu nhựa màu xanh và để ở cạnh bếp bên ngoài nhà trọ. Lúc này, Nguyễn Trung T1 cùng Bùi Văn G đi xem mua sắn của người dân trong bản về, khi đi qua nhà trọ thì nhìn thấy cá thể rắn mà L và C2 đã mang về, nên T1 và G dừng lại xem, T1 hỏi xin cá thể rắn mang về ăn nhưng không được, T1 hỏi mua thì L và C2 đồng ý bán. Sau khi thỏa thuận thì L đứng ra bán cho T1 cá thể rắn với giá 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng). L và C2 đã chi tiêu hết số tiền bán cá thể rắn. Sau khi mua được cá thể rắn thì T1 và G rủ thêm Cao Văn K, (sinh năm 1992, trú tại bản Xì Lồ, xã M, huyện M) cùng đi xe của G và mang cá thể rắn đến nhà Trịnh Duy M, ở bản T, xã T, huyện M. Tại nhà Trịnh Duy M, thì T1 ngồi trong xe của G, còn G và K cùng nhau dùng dao lam và cồn của M để sơ chế cá thể rắn, phần thân rắn thì M cho vào một xô nhựa và đến nhà Đỗ Thị H1 (người cùng bản) mua 10 lít rượu cho vào ngâm. Phần nội tạng còn lại thì G nấu lên và cùng T1, K, M ăn. Sau khi ăn xong thì tất cả ra về. Xô nhựa ngâm phần thịt cá thể rắn được để tại nhà M. Ngoài ra, T1 còn lấy phần mật rắn mang về sử dụng nhưng bị hỏng nên T1 đã vứt đi. Khoảng 10 ngày sau, thì Trịnh Duy M dùng một bình thủy tinh do M mua ở thành phố T rồi đổ cá thể rắn và rượu từ xô nhựa sang bình thủy tinh và để tại phòng ăn của gia đình M.

Khoảng 16 giờ, ngày 17/8/2023, Tổ công tác Công an huyện M phối hợp cùng Công an xã T, huyện M thực hiện Kế hoạch kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực môi trường tại xã T, huyện M. Khi Tổ công tác đến hộ gia đình Trịnh Duy M, là hộ kinh doanh dịch vụ ăn uống để kiểm tra, thì phát hiện trong phòng ăn của gia đình Trịnh Duy M có 01 bình thủy tinh hình trụ tròn màu trắng, có đường kính 24cm, cao 57cm, có nắp đậy, bên trong chứa chất lỏng màu vàng nhạt và 01 cá thể rắn (chưa xác định chủng loài). Quá trình làm việc Trịnh Duy M đã đem bình chứa cá thể rắn trên ra giao nộp cho Cơ quan chức năng.

Tại bản Kết luận giám định động vật số: 1357/STTNSV ngày 28/8/2023 của V2 kết luận như sau:

Xác định tên loài động vật:

01 (một) cá thể động vật trong bản ảnh gửi giám định là loài Rắn hổ chúa có tên khoa học là *O hannah,* lớp Bò sát (R).

Xác định tình trạng bảo tồn theo quy định của pháp luật:

1) Loài Rắn hổ chúa có tên trong Phụ lục I, Danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, ban hành kèm theo Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019 của Chính phủ.

2) Loài Rắn hổ chúa cũng có tên trong Nhóm IB, Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, ban hành kèm theo Nghị định số 84/2021/NĐ CP, ngày 22/9/2021 của Chính phủ.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 10/KL-ĐGTS ngày 26/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND huyện M, định giá như sau: 01 cá thể rắn Hổ chúa đã chết, chiều dài 2,88m (Hai phẩy tám tám mét), khối lượng 3,4kg (Ba phẩy bốn kilogam), có giá trị: 3,4kg x 158.000đ = 537.200 đồng (Năm trăm ba bảy nghìn hai trăm đồng).

Bản cáo trạng số: 19/CT-VKS-ML, ngày 11/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố các bị cáo Trịnh Duy M, Nguyễn Trung T1, Bùi Văn G, Cao Văn K, Trịnh Đình L, Nguyễn Văn C2 về tội "Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 244 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, các bị cáo xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố không bị Cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng biện pháp ép cung, bức cung hay nhục hình, không ai xúi giục hay ép

buộc nhận tội thay người khác. Các bị cáo công nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã nêu là đúng, không khai báo thêm tình tiết mới.

Tranh luận và luận tội: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo toàn bộ nội dung Cáo trạng đã truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên, các bị cáo Trịnh Duy M, Nguyễn Trung T1, Bùi Văn G, Cao Văn K, Trịnh Đình L, Nguyễn Văn C2 phạm tội "Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm"

Về điều luật áp dụng:

- Điểm b khoản 1 Điều 244; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS đối với Trịnh Duy M, Bùi Văn G và Nguyễn Trung T1; bị cáo Nguyễn Trung T1 còn bị áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS; Bùi Văn G bị áp dụng thêm Điều 56 BLHS.

- Điểm b khoản 1 Điều 244; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 65; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS đối với Trịnh Đình L và Nguyễn Văn C2.

- Điểm b khoản 1 Điều 244; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 65; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS đối với Cao Văn K.

Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung T1 từ **18-20** tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Bùi Văn G từ **16-18** tháng tù, tổng hợp với 07 (B) tháng tù của bản án số 16/2024/HS-ST ngày 23/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Thời hạn chấp hành án tính từ ngày 17/11/2023.

- Xử phạt bị cáo Trịnh Duy M từ **13-15** tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Trịnh Đình L từ **16-18** tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 32-36 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C2 từ **14-15** tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 28-30 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Cao Văn K từ **12-14** tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24-28 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo, vì các bị cáo không có thu nhập ổn định, nên không có tính khả thi.

Về vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Truy thu số tiền 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) đối với Trịnh Đình L và Nguyễn Văn C2 do phạm tội mà có.

Tịch thu tiêu hủy: 01 chậu nhựa có đường kính miệng 37cm, chiều cao 14cm, màu xanh lục, đã qua sử dụng.

Chấp nhận việc xử lý vật chứng của Công an huyện M đối với: 01 bình thủy tinh bên trong chứa cá thể rắn Hổ chúa đã chết thu giữ của Trịnh Duy M bằng hình thức tiêu hủy.

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Trịnh Duy M, Nguyễn Trung T1, Trịnh Đình L và Nguyễn Văn C2 mỗi người phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Bùi Văn G và Cao Văn K, vì các bị cáo là người dân tộc thiểu số thường xuyên sinh sống ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Cao Văn K: Người bào chữa đồng tình với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát về tội danh, điều luật và mức hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo Cao Văn K. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo thực hiện phạm tội với vai trò thứ yếu, bị cáo không được đi học nên không biết chữ, dẫn đến hạn chế về nhận thức pháp luật, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, bị cáo là người dân tộc thiểu số, thường xuyên sinh sống ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn, gia đình là hộ nghèo; Nên, đề nghị Hội đồng xét xử áp điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự, để xử phạt bị cáo mức án khởi điểm của khung hình phạt, cho bị cáo

được hưởng án treo, miễn hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Các bị cáo nhận tội, đồng tình với luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, các bị cáo không bổ sung thêm gì, không khai báo thêm tình tiết mới làm thay đổi nội dung vụ án, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất có thể, để các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm; bị cáo TRịnh Duy M3 xin được hưởng án treo để chữa bệnh cho vợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành vi, quyết định tố tụng: Trong giai đoạn tiến hành tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an huyện M, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cũng như bản kết luận giám định, định giá tài sản. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Chứng cứ xác định có tội, không có tội của bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan Điều tra, lời khai của người chứng kiến, kết luận giám định, kết luận định giá, thời gian, không gian, địa điểm, vật chứng và chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, HĐXX đủ cơ sở khẳng định:

Khoảng 18 giờ, ngày 09/4/2023, Trịnh Đình L và Nguyễn Văn C2 trên đường đi làm về nhà trọ thì thấy một cá thể rắn nằm chắn ngang đường. Khi mà 03 người bản địa đã đạp chết cá thể rắn và cho vào bao tải rồi để trên mặt đường, thì Trịnh Đình L và Nguyễn Văn C2 đã mang cá thể rắn về nhà trọ làm thịt, C2 ngồi sau xe cầm bao tải chứa cá thể rắn còn L điều khiển xe mô tô đi về nhà trọ. Tại nhà trọ, C2 bỏ thể rắn ra chậu nhựa màu xanh để ở cạnh bếp bên ngoài nhà trọ. Sau đó, Nguyễn Trung T1 cùng

Bùi Văn G đi qua thì nhìn thấy cá thể rắn nên dừng lại xem, T1 hỏi mua thì L và C2 đồng ý bán cá thể rắn cho T1 với số tiền là 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng). Khi mua được cá thể rắn, T1 và G rủ thêm Cao Văn K mang cá thể rắn đến nhà Trịnh Duy M để làm thịt ăn. Tại nhà M, G và K dùng dao lam và cồn của M để làm thịt cá thể rắn, phần thân rắn thì G cho vào một xô nhựa để M ngâm và M đã mua 10 lít rượu cho vào ngâm. Phần nội tạng của cá thể rắn thì G nấu lên để cùng T1, G, K, M ăn. Sau khi ăn xong thì tất cả ra về, T1 lấy phần mật rắn mang về dùng nhưng bị hỏng nên T1 đã vứt đi; xô nhựa ngâm phần thịt cá thể rắn được để tại nhà M. Khoảng 10 ngày sau, M dùng một bình thủy tinh rồi đổ cá thể rắn và rượu từ xô nhựa sang bình thủy tinh và để tại phòng ăn của gia đình. Đến 16 giờ, ngày 17/8/2023, Tổ công tác Công an huyện M phối hợp cùng Công an xã T, huyện M đến kiểm tra, phát hiện và tiến hành thu giữ: 01 (một) cá Rắn hổ chúa có tên khoa học là *O hannah*, lớp Bò sát, có tên trong Phụ lục I, Danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, ban hành kèm theo Nghị định số 64/2019 NĐ-CP ngày 16/7/2019 của Chính phủ và có tên trong Nhóm IB, Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, ban hành kèm theo Nghị định số 84/2021/NĐ CP, ngày 22/9/2021 của Chính phủ.

Như vậy, với hành vi giết, mổ, tàng trữ, mua bán động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm là 01 (một) cá Rắn hổ chúa có tên khoa học *là O hannah*, lớp Bò sát, có tên trong Phụ lục I, Danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, ban hành kèm theo Nghị định số 64/2019 NĐ-CP ngày 16/7/2019 của Chính phủ và có tên trong Nhóm IB, Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, ban hành kèm theo Nghị định số 84/2021/NĐ CP, ngày 22/9/2021 của Chính phủ, của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 244 Bộ luật hình sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Tính chất của vụ án là nghiêm trọng, là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của các bị cáo xâm phạm các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường, bảo vệ cân bằng sinh thái, đa dạng sinh học của các loài động vật hoang dã, quý, hiếm trong môi trường sinh thái, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn địa phương. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự,

mặc dù biết mua bán, giết mổ, tàng trữ cá thể rắn hổ chúa là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, đây là lỗi cố ý trực tiếp. Đây là một vụ án đồng phạm, nhưng là đồng phạm giản đơn, vì giữa các bị cáo không có sự phân công, bàn bạc, thống nhất, chuẩn bị, mà là do bột phát và sự không hiểu biết, mục đích chỉ để ăn, làm thuốc và trưng bày.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Nên, ĐXX cho tất cả các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; Đối với bị cáo Cao Văn K và Nguyễn Văn C2 thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm trong vụ án là thứ yếu, nên căn cứ Công văn số 01/2017 ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân Tối cao về giải đáp vướng mắc trong giải quyết án án hình sự, nên HĐXX cho bị cáo Cao Văn K và Nguyễn Văn C2 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Đối với bị cáo Trịnh Đình L có bố đẻ là ông Trịnh Đình S được Nhà nước tặng "Huân chương chiến sỹ vẻ vang" và "Huân chương kháng chiến" hạng Ba, nên HĐXX cho bị cáo Trịnh Đình L được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Bị cáo Trịnh Duy M cung cấp cho HĐXX, gồm: 01 Giấy chứng nhận tham gia công nhân hỏa tuyến và 01 Quyết định trợ cấp chế độ 1 lần đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ của ông Trịnh Duy V (là bố đẻ bị cáo); 01 Bảng vàng danh sự của ông Trịnh Duy L1 và bà Nguyễn Thị C3 (là ông nội, bà nội bị cáo) ghi nhận gia đình có 02 quân nhân tham gia chống Mỹ cứu nước, trong đó có 01 liệt sĩ. Đối với các tài liệu này, thì HĐXX không đủ căn cứ để áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS, nhưng HĐXX sẽ xem xét khi quyết định hình phạt cho bị cáo Trịnh Duy M.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho tất cả các bị cáo là chưa phù hợp, chưa có đủ căn cứ, nên HĐXX chỉ chấp nhận đề nghị này đối với bị cáo Trịnh Đình L là phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ vụ án và đã được làm rõ tại phiên tòa..

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Trung T1 có 01 tiền án về tội "Đánh bạc" chưa được xóa án tích, nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS;

Các bị cáo Bùi Văn G, Trịnh Duy M, Trịnh Đình L, Cao Văn K và Nguyễn Văn C2 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Nhân thân của các bị cáo:

Các bị cáo Trịnh Duy M, Trịnh Đình L, Cao Văn K và Nguyễn Văn C2 đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Bị cáo Bùi Văn G có nhân thân xấu, đó là ngày 28/11/2008 bị xử phạt 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 23 tháng (đã được xóa án tích); Ngoài ra, đang có 01 tiền sự chưa được xóa, do chưa thi hành tiền phạt và bị cáo đang trong thời gian điều tra của án này, được tại ngoại, thì đến ngày 17/11/2023 bị cáo phạm tội "Đánh bạc", bị bắt tạm giam, ngày 23/4/2024 bị Tòa án nhân dân huyện Mường Lát xử phạt 07 (Bảy) tháng tù giam.

[6] Xét về hình phạt:

Hình phạt chính: Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo đã thực hiện, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo, nên HĐXX cần xử phạt từng bị cáo một mức án tương xứng với tính chất mức độ, hành vi của bị cáo gây ra. Để kiểm soát có hiệu quả nạn săn, bắt động vật hoang dã tại địa phương và có tác dụng răn đen đối với loại tội phạm này một cách có hiệu quả, nên cần xét xử nghiêm khắc đối với các bị cáo, để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người có ích cho xã hội, để răn đe và phòng ngừa chung. Cụ thể,

Đối với Nguyễn Trung T1 là người bỏ số tiền 700.000đ ra để mua cá thể rắn hổ mang chúa và bị cáo đang có một tiền án, nên phải chịu vai trò chính và phải chịu mức án cao nhất so với các bị cáo còn lại và phải cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo.

Đối với Bùi Văn G là người đã dùng xe chở Nguyễn Trung T1 và Cao Văn K đến nhà Trịnh Duy M, là người trực tiếp làm thịt cá thể rắn, ăn lòng rắn và Bùi Văn G có thân thân xấu, nên bị cáo Bùi Văn G phải chịu một hình phạt cao hai trong vụ án này và phải tổng hợp hình phạt 07 tháng tù tại bản án số 16/2024/HS-ST ngày

23/4/2024, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để bị cáo suy nghĩ về hành vi sai phạm và để phòng ngừa chung.

Đối với Trịnh Duy M, là người dùng địa điểm nhà mình, trực tiếp cung cấp dụng cụ giết mổ (dao lam, xô, cồn, mua rượu, bình, trực tiếp tàng trữ cá thể rắn để trưng bày trong nhà để làm thuốc), nên phải chịu một hình phạt cao thứ ba trong vụ án, cần xử phạt bị cáo hình phạt tù giam, để răn đe, giáo dục bị cáo.

Đối với các bị cáo Trịnh Đình L và Nguyễn Văn C2 là người trực tiếp mang cá thể rắn về nhà trọ, chứng kiến sự việc hai người đàn ông dùng gậy bắt và đập chết con rắn nhưng các bị cáo không can ngăn mà để mặc cho cho hành động giết rắn và bán cho Nguyễn Trung T1 với giá 700.000 đồng, nên HĐXX buộc bị cáo Trịnh Đình L phải chịu hình phạt bằng Trịnh Duy M. Còn Nguyễn Văn C2 thực hiện vai trò trong vụ án này là thứ yếu, nên phải chịu mức án cao cao thứ tư trong vụ án này. Tuy nhiên, bị cáo L và C2 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, nên không cần thiết phải cách ly khỏi đời sống xã hội, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giáo dục.

Đối với Cao Văn K, là người làm thịt cá thể rắn cùng với Bùi Văn G, cùng ăn bộ phận nội tạng cá thể rắn cùng với T1, G và M, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là thứ yếu nhất trong vụ án, nên HĐXX cho bị cáo một mức án khởi điểm của khung hình phạt và xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội, áp dụng Điều 65 BLHS đối với bị cáo mà vẫn đủ sức răn đen, giáo dục và phòng ngừa chung.

Thấy rằng đề nghị về hình phạt của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với từng bị cáo là phù hợp với hành vi phạm tội, đã đủ sức răn đe, phòng ngừa chung.

Hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, cho thấy các bị cáo không có thu nhập ổn định. Các bị cáo đều là lao động tự do, người đi làm thuê, không có công việc ổn định. Nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7]. Xét về vật chứng trong vụ án và biện pháp tư pháp:

Đối với: 01 chậu nhựa có đường kính miệng 37cm, chiều cao 14cm, màu xanh lục, đã qua sử dụng, không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

Chấp nhân việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã xử lý bằng biện pháp tiêu hủy: 01 bình thủy tinh bên trong chứa cá thể rắn hổ chúa đã chết.

Đối với công cụ, phương tiện là chiếc dao Lam, cồn và xô nhựa dùng để sơ chế cá thể rắn hổ chúa tại nhà Trịnh Duy M. Sau khi sử dụng, Bùi Văn G đã vứt bỏ dao lam và lọ cồn, còn chiếc xô nhựa Trịnh Duy M đã đốt bỏ nên không thể thu giữ được.

Đối với chiếc xe ô tô của Bùi Văn G (xe này G đã bán) và xe mô tô của Trịnh Đình L chở cá thể rắn Hổ chúa đã chết. Xét thấy đây là tài sản hợp pháp của Bùi Văn G, Trịnh Đình L mục đích sử dụng xe làm phương tiện đi lại hằng ngày, không sử dụng vào các hành vi vi phạm pháp luật, nên Cơ quan CSĐT không tiến hành thu giữ.

[8] Xét về án phí: Các bị cáo Nguyễn Trung T1, Trịnh Duy M, Trịnh Đình L và Nguyễn Văn C2 không thuộc trường hợp được miễn án phí, nên HĐXX buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Miễn án phí HSST cho bị cáo Bùi Văn G và Cao Văn K, vì các bị cáo là người dân tộc thiểu số (Mường), thường xuyên sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin miễn án phí.

[9] Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các bị cáo có quyền kháng cáo; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

[10] Các nhận định khác:

Đối với chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1983, trú tại bản Táo, xã T, huyện M, tỉnh Thanh Hóa là vợ của Trịnh Duy M; Đỗ Thị H1, sinh năm 1979, trú tại bản Táo, xã T, huyện M, tỉnh Thanh Hóa là người bán rượu cho Trịnh Duy M; Bùi Văn V1, sinh năm 1972, trú tại bản T, xã M, huyện M, tỉnh Thanh Hóa là chủ nhà trọ của Trịnh Đình L và Nguyễn Văn C2, nhưng những người này đều không biết, không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, nên không phải chịu trách nhiệm.

Đối với hai người đàn ông và một người phụ nữ dân tộc M2 (theo lời khai của Trình Đình L2 và Nguyễn Văn C2) là người đã bắt, giết cá thể rắn Hổ chúa. Cơ quan CSĐT Công an huyện M đã tiến hành xác minh, nhưng chưa xác định người nào có đặc điểm như trong ảnh và lời khai của L2 và C2 đã cung cấp. Cơ quan CSĐT đang tiếp tục xác minh, làm rõ khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Điểm b khoản 1 Điều 244; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm s, khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 BLHS đối với Nguyễn Trung T1.

Điểm b khoản 1 Điều 244; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm s, khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58 BLHS đối với Bùi Văn G.

Điểm b khoản 1 Điều 244; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm s, khoản 1 Điều 51; Điều 58 BLHS đối với Trịnh Duy M.

Điểm b khoản 1 Điều 244; Điều 17; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS đối với Trịnh Đình L.

Điểm b khoản 1 Điều 244; Điều 17; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS đối với Nguyễn Văn C2 và Cao Văn K.

Về tội danh: Tuyên bố, các bị cáo: Trịnh Duy M, Nguyễn Trung T1, Bùi Văn G, Cao Văn K, Trịnh Đình L, Nguyễn Văn C2 phạm tội "Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm"

Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung T1 19 (Mười chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án;

Xử phạt bị cáo Bùi Văn G 17 (Mười bảy) tháng tù, tổng hợp với 07 (Bảy) tháng tù tại bản án số 16/2024/HS-ST ngày 23/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Tổng hợp hình phạt chung bị cáo phải chấp hành là 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày (17/11/2023);

Xử phạt bị cáo Trịnh Duy M 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án;

Xử phạt bị cáo Trịnh Đình L 15 (Mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (Ba mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C2 14 (Mười bốn) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 28 (Hai mươi tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Xử phạt bị cáo Cao Văn K 12 (Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, vì bị cáo không có thu nhập ổn định, nên không có tính khả thi.

Giao bị cáo Cao Văn K cho UBND xã M, huyện M, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Trịnh Đình L và Nguyễn Văn C2 cho UBND xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Về vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chậu nhựa có đường kính miệng 37 cm, chiều cao 14cm, màu xanh lục, đã qua sử dụng.

Vật chứng trên đang lưu giữ, bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Theo biên bản giao nhận vật chứng số: 31/2024/TV-CCTHADS ngày 11/3/2024 giữa Công an huyện M và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa

Truy thu đối với Trịnh Đình L và Nguyễn Văn C2 số tiền 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) để nộp ngân sách Nhà nước (Mỗi bị cáo 350.000đ).

Các "Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú" của Tòa án nhân dân huyện Mường Lát đối với các bị cáo Trịnh Duy M, Nguyễn Trung T1, Trịnh Đình L, Nguyễn Văn C2 và Cao Văn K tiếp tục được thi hành cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Buộc các bị cáo Trịnh Duy M, Nguyễn Trung T1, Trịnh Đình L, Nguyễn Văn C2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Bùi Văn G và Cao Văn K.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Căn cứ Điều 331, Điều 333, Điều 336, Điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự.

Án xử công khai, có mặt các bị cáo; các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự căn cứ Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Phòng KTNV, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Mường Lát;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT - Công an H. Mường Lát;
- Nhà tạm giữ - Công an H. Mường Lát;
- Cơ quan THAHS - CA huyện Mường Lát;
- Bộ phận hồ sơ - Công an H. Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND xã Mường Lý, huyện Mường Lát;
- UBND xã Trung Lý, huyện Mường Lát;
- UBND xã Lam Sơn, huyện Ngọc Lặc;
-UBND xã Vạn Mai, H. Mai Châu, T. Hòa Bình;
- Các bị cáo;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Dũng